

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 33/2025/DS-ST
Ngày: 06-5-2025
V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Minh Thìn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Đẹp.
- Ông Nguyễn Thanh Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Bích Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2025, về “*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXST-DS ngày 26/3/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2025/QĐST-DS ngày 16/4/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S (Viết tắt là Công ty S1).

Người đại diện theo pháp luật: Ông KANOKWATPAISAL NAPAT.

Địa chỉ: Số A N, phường B, thành phố V, tỉnh N.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Trần Phước T, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: Số C đường C, Phường A, thành phố C, tỉnh Đ (Giấy ủy quyền ngày 15/6/2024).

2. Bị đơn: Chị Lê Thị Lan T1, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Số C Lô F, khóm H, Phường B, thành phố S, tỉnh Đ.

Anh T có mặt tại phiên tòa, chị Thanh vắng M không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty S1 là anh Trần Phước T trình bày:

Trước đây, ngày 14/12/2019, chị Lê Thị Lan T1 và Công ty S1 có ký Hợp đồng cầm cố tài sản số SDM191201018NA15X. Theo đó, chị T1 cầm cố tài sản của chị T1 cho Công ty S1 là 01 xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu HONDA, số loại VISION, biển số đăng ký 66P1-570.61, số khung 580XEY219268, số máy JF58E0219296, giấy chứng nhận đăng ký số 034658, do Công an thành phố S cấp ngày 30/7/2019 cho chị T1; Số tiền cầm cố là 15.000.000 đồng, thời hạn cầm cố là 12 tháng, ngày giải ngân 14/12/2019, mục đích cầm cố để phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh, lãi suất cầm cố trong hạn là 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, phí quản lý hồ sơ là 1,9%/tháng. Cũng trong ngày 14/12/2019 Công ty S1 và chị T1 có ký với nhau Giấy mượn xe, theo đó Công ty S1 cho chị T1 mượn lại xe mô tô VISION đã cầm cố như trên, thời hạn mượn xe là 30 ngày (từ ngày 14/12/2019 đến ngày 14/01/2020), phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn tài sản là 150.000 đồng/tháng (1% của số tiền cầm cố 15.000.000 đồng).

Ngày 14/12/2019 Công ty S1 đã giải ngân số tiền 15.000.000 đồng cho chị T1. Sau đó chị T1 chỉ thanh toán cho Công ty S1 được tiền vốn, lãi và phí đến ngày 21/01/2021 tổng cộng là 13.847.000 đồng, sau đó ngưng đến nay không thanh toán tiền cho Công ty S1. Tính đến ngày 28/3/2025 chị T1 còn nợ Công ty S1 số tiền vốn 6.901.304 đồng, tiền lãi quá hạn 5.796.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện Công ty S1 yêu cầu chị T1 phải thanh toán cho Công ty S1 tiền vốn, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn, tiền phí hao mòn khi mượn xe, phí quản lý hồ sơ và trường hợp chị T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Công ty S1 được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm là 01 xe mô tô hai bánh, biển số đăng ký 66P1-570.61. Tại phiên tòa đại diện Công ty S1 thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu chị T1 phải thanh toán cho Công ty S1 số tiền vốn và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 28/3/2025 là 11.901.304 đồng; trong đó tiền vốn 6.901.304 đồng, tiền lãi quá hạn chỉ yêu cầu là 5.000.000 đồng. Không yêu cầu tiếp tục tính lãi tiếp sau ngày 28/3/2025, đối với tiền lãi do chị T1 chậm thi hành án thì giải quyết theo quy định.

Tài sản thế chấp là 01 xe mô tô hai bánh, biển số đăng ký 66P1-570.61 Công ty S1 đã giao lại cho chị Thanh quản L, sử dụng, hiện nay Công ty S1 cũng không biết xe mô tô này ở đâu, nên Công ty S1 không yêu cầu xem xét, giải quyết, trong vụ án này. Công ty S1 tự nguyện trả lại chị T1 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 034658, do Công an thành phố S cấp ngày 30/7/2019 cho chị Lê Thị Lan T1.

Ngoài ra, Công ty S1 không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Lê Thị Lan T1 không có văn bản nêu ý kiến, không đến Tòa án để làm việc, không xuất trình bất cứ tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký, cũng như của người tham gia tố tụng. Riêng bị đơn chị T1 không thực hiện đúng quy định pháp luật, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là đã vi phạm các Điều 70, 72, 91 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty S1. Buộc chị Lê Thị Lan T1 trả cho Công ty S1 số tiền vốn, lãi tính đến ngày 28/3/2025 là 11.901.304 đồng. Công ty S1 hoàn trả cho chị T1 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 66P1-570.61 do chị T1 đứng tên đăng ký xe.

Về án phí đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về “Hợp đồng cầm cố tài sản”. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố S, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39 của BLTTDS.

Bị đơn chị Lê Thị Lan T1 đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của BLTTDS HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị T1 theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét Hợp đồng cầm cố tài sản số SDM191201018NA15X ngày 14/12/2019 thể hiện chị T1 có cầm cố tài sản của chị T1 là 01 xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu HONDA, số loại VISION, biển số đăng ký 66P1-570.61 cho C Công ty S1; Số tiền cầm cố là 15.000.000 đồng, thời hạn cầm cố là 12 tháng, ngày giải ngân 14/12/2019, mục đích cầm cố để phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh, lãi suất cầm cố trong hạn là 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, phí quản lý hồ sơ là 1,9%/tháng. HĐXX nhận thấy hợp đồng cầm cố tài sản này do Công ty S1 và chị T1 tự nguyện thỏa thuận, xác lập, nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 117, 119, 309, 310 của Bộ luật Dân sự nên có hiệu lực, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã trả vốn, lãi và phí đến ngày 21/01/2021 được số tiền tổng cộng 13.847.000 đồng thì ngưng không tiếp tục thanh toán là vi phạm nghĩa vụ trả nợ vốn, lãi theo hợp đồng đã ký kết.

Bị đơn chị Lê Thị Lan T1 mặc dù biết về việc nguyên đơn khởi kiện nhưng chị T1 không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp, giao nộp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ có liên quan để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình và vắng mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

Do đó, xét yêu cầu khởi kiện của Công ty S1 yêu cầu chị T1 phải thanh toán

cho Công ty S1 số tiền vốn và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 28/3/2025 là 11.901.304 đồng, trong đó tiền vốn 6.901.304 đồng, tiền lãi quá hạn 5.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[2.2] Đối với tài sản cầm cố là 01 xe mô tô hai bánh, biển số đăng ký 66P1-570.61 Công ty S1 đã giao lại cho chị Thanh quản L, sử dụng. Hiện nay Công ty S1 cũng không biết xe mô tô này ở đâu, Công ty S1 không yêu cầu xem xét, giải quyết xe mô tô trong vụ án này, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

Công ty S1 tự nguyện trả lại chị T1 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 034658, do Công an thành phố S cấp ngày 30/7/2019 cho chị Lê Thị Lan T1. Đây là sự tự nguyện của Công ty S1 phù hợp quy định của pháp luật, nên công nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T1 phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho Công ty S1 là 11.901.304 đồng x 5% = 595.000 đồng.

[4] Đối với ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử thống nhất.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 227, 228, 264, 271, 273, 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 117, 119, 280, 309, 310, 357, 468 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay.

2. Buộc chị Lê Thị Lan T1 có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền vốn và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 28/3/2025 là 11.901.304đ (Mười một triệu chín trăm lẻ một nghìn ba trăm lẻ bốn đồng), trong đó tiền vốn 6.901.304 đồng, tiền lãi quá hạn 5.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Công ty Cổ phần S Có Ngay trả lại chị Lê Thị Lan T1 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 034658, do Công an thành phố S cấp ngày 30/7/2019 cho chị Lê Thị Lan T1.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Lê Thị Lan T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 595.000 đồng.

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 496.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0008107 ngày 13/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Đương sự (người đại diện theo ủy quyền của đương sự) có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án Tỉnh;
- VKSND TP. Sa Đéc;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Minh Thìn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Đẹp – Nguyễn Thanh Liêm

Đỗ Minh Thìn

Nơi nhận:

- Tòa án Tỉnh;
- VKSND TP. Sa Đéc;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Minh Thìn

